

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 10/9/2019

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ník ÊBan.
2. Ông Nguyễn Quốc Vụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: ông Dương Minh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXX-TA ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐHPT-DS ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết V, sinh năm 1979. Nơi cư trú: thôn Đ 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Phạm Hải D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: khối 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy ủy quyền được công chứng tại văn phòng công chứng P ngày 15/10/2018): Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H. Nơi cư trú: thôn Đ 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/4/2016, vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H có vay của bà Trương Thị Tuyết V số tiền 90.000.000^d (chín mươi triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng, có viết giấy vay tiền và hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/ tháng, thời hạn trả

nợ sau 30 ngày (tức ngày 08/5/2016). Tiếp đến ngày 11/4/2016 vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H có vay thêm của bà Trương Thị Tuyết V số tiền 10.000.000^d (mười triệu đồng), có viết giấy vay tiền và hai bên cũng thỏa thuận lãi suất 2,5%/ tháng, thời hạn trả nợ sau 30 ngày (tức ngày 12/5/2016).

Khi đến hạn trả nợ bà V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H thanh toán số tiền vay và lãi nhưng ông Đ, bà H không trả được khoản tiền nào cho bà V. Do đó, ngày 05/12/2017 vợ chồng ông Đ, bà H viết giấy nhận nợ (ghi là giấy vay tiền) xác định còn nợ bà V số tiền vay là 100.000.000^d (một trăm triệu đồng), hẹn đến tết (tức là ngày 30/12/2017 âm lịch) sẽ trả 20.000.000^d. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông Đ, bà H vẫn không trả cho bà V được khoản tiền vay và tiền lãi nào.

Vì vậy, bà Trương Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H phải trả số tiền vay là 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ thời điểm vay đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 1.125%/tháng.

Đối với bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do.

Do đó, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng giấy triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần 2 cho bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H nhưng đương sự đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H phải trả cho bà Trương Thị Tuyết V số tiền vay 100.000.000^d và số tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

- Xét giao dịch giữa bà Trương Thị Tuyết V và vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H về việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp đồng vay tài sản có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do đến thời hạn trả nợ, vợ chồng ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ như cam kết nên bà V khởi kiện và Toà án thụ lý giải quyết, phù hợp khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

-Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H đã được toà án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần 2, nhưng đương sự

đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của bà Trương Thị Tuyết V buộc vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H phải trả số tiền vay là 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H đã được toà án tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng đều vắng mặt không lý do, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh.

Căn cứ kết luận giám định số 52/PC09 ngày 06/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đào Công Đ, Phan Thị H ở phía dưới giấy vay tiền ghi ngày 07/4/2016 (DL); chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đào Công Đ ở phía dưới phần giấy vay tiền ghi ngày 11/4/2016 (DL) và ở phía dưới phần giấy vay tiền ghi ngày 05/12/2017 thể hiện trong các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp lưu hồ sơ vụ án so với chữ viết, chữ ký ghi họ tên Đào Công Đ, Phan Thị H thể hiện trong các tài liệu là Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng tại Văn phòng công chứng P do Tòa án thu thập từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T– Phòng giao dịch huyện K, xác định do cùng một người ký và viết ra. Nội dung các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp, thể hiện: vợ chồng ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H có vay của bà Trương Thị Tuyết V 02 lần với tổng số tiền vay là 100.000.000^d (một trăm triệu đồng). Sau khi có kết luận của cơ quan chuyên môn, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thông báo về kết luận giám định cho các đương sự trong vụ án, bị đơn vợ chồng ông Đ, bà H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo nhưng không ý kiến gì.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết V buộc vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H phải trả số tiền vay là 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp các Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Xét yêu cầu của phía nguyên đơn về việc tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/9/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của phía nguyên đơn tại các thời điểm vay, các bên thỏa thuận miệng với mức lãi suất 2,5%/ tháng, đây là mức lãi suất vượt quá mức lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng, xét mức lãi suất này là phù hợp với khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nên cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

- Đối với khoản vay 90.000.000^d: từ ngày vay 07/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2019 là 1248 ngày= (90.000.000^d x 1.125% x 1248 ngày): 30 ngày= 42.120.000^d.

- Đối với khoản vay 10.000.000^d: từ ngày vay 11/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2019 là 1243 ngày= (10.000.000^d x 1.125% x 1243 ngày): 30 ngày= 4.661.250^d.

Tổng cộng tiền lãi là 46.781.250^d (bốn mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền vay và tiền lãi mà vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H phải trả cho bà Trương Thị Tuyết V là 146.781.250^d (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[3] Xử lý tiền chi phí giám định: Do bị đơn vợ chồng ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên người đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Hải D có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H trong các tài liệu về công nợ cung cấp lưu hồ sơ vụ án và nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000^d. Căn cứ kết luận giám định của Phòng khoa học kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì yêu cầu của phía nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 5.040.000^d (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hoàn trả số tiền 5.040.000^d (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) này cho phía nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H phải chịu 7.399.062^d (bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, theo khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Buộc bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H phải trả cho bà Trương Thị Tuyết V số tiền là 146.781.250^d (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm tám

mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trong đó: số tiền vay là 100.000.000^d và tiền lãi là 46.781.250^d.

[2] Xử lý tiền chi phí giám định: bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H phải chịu 5.040.000^d (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Buộc bị đơn ông Đào Công Đ và bà Phan Thị H phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết V số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000^d (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí: bị đơn ông Đào Công Đ, bà Phan Thị H phải chịu 7.399.062^d (bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết V số tiền 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Phạm Hải D nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004635 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 11/9/2019 đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Xuân Chiến

